

Số: 97/KH-KSBT

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 5 năm 2020

|                        |       |
|------------------------|-------|
| SỞ GDĐT TỈNH ĐỒNG THÁP |       |
| ĐƠN SỐ: 1323/1         | ..... |
| Ngày: 01/6/2020        | ..... |
| Chuyên: .....          |       |
| Lưu hồ sơ số: .....    |       |

## KẾ HOẠCH

**Tiêm bổ sung vắc xin uốn ván – Bạch hầu (Td) năm 2020**

### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc Hội.

- Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Quyết định số 1125/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/7/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế dân số giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.

- Thông tư số 26/2018/TT-BYT ngày 21/3/2018 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Quyết định số 74/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 08/01/2018 về việc phê duyệt kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Dự án Tiêm chủng mở rộng thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

### II. MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu chung

Tăng tỷ lệ miễn dịch phòng bệnh bạch hầu, uốn ván trong cộng đồng nhằm chủ động phòng ngừa dịch bệnh, giảm tỷ lệ tử vong do bệnh bạch hầu, uốn ván tại các vùng nguy cơ cao.

#### 2. Mục tiêu cụ thể

- Đạt tỷ lệ  $\geq 90\%$  trẻ học lớp 2 trong trường học và trẻ 7 tuổi ở cộng đồng trên quy mô xã, phường tại các địa phương triển khai được tiêm bổ sung 01 mũi vắc xin uốn ván, bạch hầu giảm liều (Td).

- Đảm bảo an toàn và chất lượng tiêm chủng theo quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

### III. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

1. Thời gian: Tháng 6 năm 2020

2. Đối tượng: Tất cả trẻ học lớp 2 trong trường học (kể cả trẻ >7 tuổi học lớp 2) và trẻ 7 tuổi ở cộng đồng tại vùng nguy cơ cao sẽ được tiêm 01 mũi vắc xin Td không kê tiền sử được tiêm chủng vắc xin bạch hầu, uốn ván trước đó. Ngoại trừ trẻ đã tiêm vắc xin có chứa thành phần uốn ván hoặc bạch hầu trong thời gian 1 tháng trước khi triển khai tiêm bổ sung. Tổng số đối tượng cần tiêm vắc xin Td trong kế hoạch là 26.314 trẻ.

3. Phạm vi triển khai:

143 xã phường thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Bảng 1. Phạm vi, số đối tượng tiêm vắc xin Td năm 2020

| TT          | Huyện                           | Xã         | Số đối tượng (trẻ) |
|-------------|---------------------------------|------------|--------------------|
| 1           | Trung tâm Y tế TP. Sa Đéc       | 9          | 1.878              |
| 2           | Trung tâm Y tế TP. Cao Lãnh     | 15         | 2.235              |
| 3           | Trung tâm Y tế huyện Châu Thành | 12         | 2.278              |
| 4           | Trung tâm Y tế TX. Hồng Ngự     | 7          | 1.301              |
| 5           | Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự   | 10         | 2.216              |
| 6           | Trung tâm Y tế huyện Cao Lãnh   | 18         | 2.905              |
| 7           | Trung tâm Y tế huyện Tháp Mười  | 13         | 2.520              |
| 8           | Trung tâm Y tế huyện Thanh Bình | 13         | 2.780              |
| 9           | Trung tâm Y tế huyện Tam Nông   | 11         | 1.673              |
| 10          | Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng   | 9          | 1.576              |
| 11          | Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò     | 13         | 2.681              |
| 12          | Trung tâm Y tế huyện Lai Vung   | 12         | 2.271              |
| <b>Cộng</b> |                                 | <b>143</b> | <b>26.314</b>      |

### IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Điều tra, lập danh sách đối tượng

- Thời gian triển khai: ngày 11 và 12 tháng 6 năm 2020.

- Đầu mối thực hiện: Trạm Y tế xã, phường

- Nội dung thực hiện:

+ Điều tra trong trường học: Trạm Y tế xã/phường phối hợp, trao đổi với Ban giám hiệu nhà trường lập danh sách theo lớp đối với trẻ học lớp 2.

+ Điều tra tại cộng đồng: Trạm Y tế xã/phường phối hợp với Y tế thôn bản, cộng tác viên dân số, trưởng thôn, quân dân Y, Bộ đội biên phòng và chính quyền địa phương rà soát nhóm trẻ 7 tuổi không đi học tại cộng đồng, đối tượng là trẻ được sinh từ ngày 01/1/2012 đến ngày 31/12/2012 đang có mặt tại địa phương. Danh sách bao gồm cả đối tượng vắng lai, lưu ý những trẻ chưa được quản lý tại vùng sâu, vùng xa, vùng giáp ranh và nơi có biến động dân cư.

2. Cung ứng vắc xin Td, vật tư tiêm chủng

- Thời gian triển khai: Ngày 09-10 tháng 6 năm 2020

- Đầu mối thực hiện: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đồng Tháp

- Đơn vị phối hợp: Trung tâm Y tế huyện, thị, thành phố và các Trạm Y tế trong địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Nội dung thực hiện:

+ Vắc xin Td sử dụng trong kế hoạch là vắc xin do Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế (IVAC) sản xuất, lọ 10 liều, dạng dung dịch.

+ Dựa trên số đối tượng cần tiêm chủng, các tuyến dự trù nhu cầu vắc xin và vật tư tiêm chủng cần thiết.

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tiếp nhận và bảo quản vắc xin Td tại kho của tỉnh và thực hiện cấp phát vắc xin Td cho Trung tâm Y tế huyện ít nhất là 01 tuần trước khi tổ chức tiêm chủng.

+ Trung tâm Y tế huyện tiếp nhận vắc xin từ kho tỉnh về kho quận/huyện để bảo quản và cấp phát cho các xã 1 ngày trước khi tiêm chủng hoặc ngay trước buổi tiêm chủng.

+ Tuyến xã/phường tiếp nhận vắc xin từ tuyến quận/huyện, bảo quản và vận chuyển vắc xin cho các điểm tiêm chủng.

| Khu vực                         | Đối tượng     | Vắc xin Td (liều) | Bơm kim tiêm tự khoá 0,5ml (cái) | Hộp an toàn 5 lít (cái) |
|---------------------------------|---------------|-------------------|----------------------------------|-------------------------|
| Trung tâm Y tế TP. Sa Đéc       | 1.878         | 1.860             | 1.175                            | 12                      |
| Trung tâm Y tế TP. Cao Lãnh     | 2.235         | 2.213             | 2.113                            | 22                      |
| Trung tâm Y tế huyện Châu Thành | 2.278         | 2.256             | 2.153                            | 22                      |
| Trung tâm Y tế TX. Hồng Ngự     | 1.301         | 1.288             | 1.230                            | 13                      |
| Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự   | 2.216         | 2.194             | 2.095                            | 21                      |
| Trung tâm Y tế huyện Cao Lãnh   | 2.905         | 2.876             | 2.746                            | 28                      |
| Trung tâm Y tế huyện Tháp Mười  | 2.520         | 2.495             | 2.382                            | 24                      |
| Trung tâm Y tế huyện Thanh Bình | 2.780         | 2.753             | 2.628                            | 27                      |
| Trung tâm Y tế huyện Tam Nông   | 1.674         | 1.657             | 1.581                            | 16                      |
| Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng   | 1.576         | 1.561             | 1.490                            | 15                      |
| Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò     | 2.681         | 2.655             | 2.534                            | 26                      |
| Trung tâm Y tế huyện Lai Vung   | 2.271         | 2.249             | 2.147                            | 22                      |
| <b>Tổng số:</b>                 | <b>26.314</b> | <b>26.057</b>     | <b>24.274</b>                    | <b>248</b>              |

*Bảng 2. Nhu cầu vắc xin Td, vật tư tiêm chủng năm 2019*

- Số vắc xin Td cần cho kế hoạch là 26.057 liều.

- Số bơm kim tiêm tự khoá 0,5 ml cần là 24.274 cái.

- Số hộp an toàn loại 5 lít cần cho kế hoạch là 248 cái.

*Chú thích: Công thức tính số lượng vắc xin và vật tư tiêm chủng*

- Số vắc xin Td (liều) = Số đối tượng x Tỷ lệ tiêm chủng dự kiến x Hệ số sử dụng.

- Số bơm kim tiêm tự khoá 0,5ml (cái) = Số đối tượng x Tỷ lệ tiêm chủng dự kiến 90% x Hệ số hao phí sử dụng là 1,1.

- Số hộp an toàn 5 lít (cái) = (Tổng số bơm kim tiêm/100) x Hệ số hao phí sử dụng là 1,1.

### **3. Truyền thông**

- Thời gian triển khai: ngày 10-20 tháng 6 năm 2020 (trước và trong khi triển khai chiến dịch tiêm vắc xin Td).

- Tuyên tỉnh, huyện: Thực hiện truyền thông trên các phương tiện truyền thông đại chúng như Đài phát thanh, truyền hình, Đài truyền thanh, báo chí... để người dân biết sự cần thiết tiêm chủng vắc xin Td phòng bệnh và chủ động đưa con em đi tiêm chủng. Khuyến cáo gia đình cho trẻ ăn uống đầy đủ trước khi tham gia buổi tiêm chủng.

- Tuyên xã, phường: Thông báo hàng ngày trên loa, đài về đối tượng, thời gian, địa điểm tổ chức buổi tiêm chủng.

- Các trường tiểu học: Trạm Y tế xã/phường phối hợp với nhà trường thực hiện truyền thông trực tiếp cho các bậc phụ huynh và học sinh về sự cần thiết tiêm chủng vắc xin Td, gửi giấy mời cho phụ huynh học sinh thông báo thời gian, địa điểm tiêm chủng.

- Hình thức thực hiện: Truyền thông thực hiện trước và trong thời gian triển khai chiến dịch.

### **4. Tổ chức tiêm chủng**

- Thời gian triển khai: ngày 18-20 tháng 6 năm 2020

- Hình thức triển khai

+ Tổ chức triển khai dưới hình thức chiến dịch tiêm chủng bổ sung.

+ Triển khai tại trường học: Tiêm chủng cho trẻ em học lớp 2 (kể cả trẻ >7 tuổi)

+ Triển khai tại trạm y tế: Tiêm chủng cho trẻ không đi học và thực hiện tiêm vét.

+ Triển khai tại các điểm tiêm chủng tại nhà: đối với các địa phương, vùng sâu vùng xa, khó tiếp cận.

- Tổ chức buổi tiêm chủng

+ Trạm y tế xã/phường phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục, các trường tiểu học để bố trí điểm tiêm chủng, tổ chức triển khai tiêm vắc xin Td cho các đối tượng là học sinh. Đối với vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn cần phối hợp với lực lượng Quân Y, Bộ đội biên phòng.

+ Quy trình tổ chức buổi tiêm chủng thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

+ Khuyến cáo gia đình cho trẻ ăn uống đầy đủ trước khi tham gia buổi tiêm chủng.

+ Bố trí các đội cấp cứu lưu động tại các điểm tiêm chủng để xử trí kịp thời các trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng nếu có.

+ Rà soát và tiêm vét: Những trẻ thuộc diện đối tượng đã được đăng ký hoặc chưa được đăng ký có mặt tại địa bàn ở thời điểm triển khai cần được tiêm vét ngay cuối đợt hoặc trong các buổi tiêm chủng thường xuyên, đảm bảo không để bỏ sót tiêm chủng.

Lưu ý: **KHÔNG** tiêm vắc xin Td cho những đối tượng đã được tiêm vắc xin có chứa thành phần uốn ván hoặc bạch hầu trong vòng 1 tháng trước ngày tiêm.

## **5. Theo dõi, giám sát và báo cáo**

### **5.1. Kiểm tra, giám sát**

- Thời gian:

+ Trước chiến dịch ngày **15-16 tháng 06 năm 2020**

+ Trong chiến dịch **18-20/6/2020**

+ Sau chiến dịch: **22-23/6/2020**

- Tuyến tỉnh, huyện chủ động cử các đoàn kiểm tra, giám sát các tuyến trước, trong và sau khi triển khai kế hoạch và hỗ trợ cơ sở tiêm chủng thực hiện đúng các quy định của Bộ Y tế, đảm bảo chất lượng và an toàn tiêm chủng.

- Các tuyến tỉnh, huyện, xã/phường phối hợp với ngành giáo dục các tuyến thực hiện giám sát công tác chuẩn bị, triển khai tiêm chủng tại các trường học.

### **5.2. Theo dõi, báo cáo**

- Thực hiện báo cáo kết quả tiêm vắc xin hàng tuần trong thời gian tổ chức tiêm chủng và báo cáo tổng hợp kết quả trong vòng 3 ngày sau khi kết thúc chiến dịch thì xã tổng hợp gửi lên huyện, huyện tổng hợp và báo cáo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật/Trung tâm Y tế dự phòng. Trong vòng 7 ngày sau khi kết thúc chiến dịch, Trung tâm kiểm soát bệnh tật/Trung tâm Y tế dự phòng tổng hợp và báo cáo kết quả tiêm vắc xin Td trên địa bàn toàn tỉnh cho Sở Y tế và Văn phòng tiêm chủng mở rộng khu vực, Tiêm chủng mở rộng quốc gia và Cục Y tế dự phòng – Bộ Y tế. *(Biểu mẫu báo cáo theo phụ lục 1)*

- Theo dõi, báo cáo tình hình phản ứng sau tiêm vắc xin theo thường quy, ghi chép, báo cáo kết quả cùng với báo cáo tiêm chủng. Các trường hợp tai biến nặng được điều tra và báo cáo theo quy định. Dự án Tiêm chủng mở rộng quốc gia tổng hợp kết quả triển khai, tình hình phản ứng sau tiêm vắc xin Td tại các tỉnh, thành phố và báo cáo Bộ Y tế trong vòng 01 tháng sau khi kết thúc chiến dịch.

## **6. Kinh phí thực hiện**

### **6.1. Kinh phí mua vắc xin, vật tư tiêm chủng *(kinh phí trung ương)***

Nguồn kinh phí Trung ương: Sử dụng nguồn kinh phí Dự án tiêm chủng mở rộng thuộc Chương trình mục tiêu Y tế Dân số giai đoạn 2016-2020 để mua vắc xin Td, vật tư tiêm chủng.

**6.2. Chi phí triển khai các hoạt động triển khai kế hoạch tại địa phương *(Kinh phí đối ứng địa phương)***

Bảng 3: Kinh phí tổ chức tiêm chủng

| Nội dung                 | Số lượng        | Giá (đồng)      | Thành tiền (đồng) |
|--------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| Hội nghị, tập huấn       |                 |                 |                   |
| Tuyến tỉnh:              |                 |                 |                   |
| - Báo cáo viên           | 2 buổi          | 700.000         | 1.400.000         |
| - Hội trường             | 2 buổi          | 1.000.000       | 2.000.000         |
| - Tiêu đề                | 1 cái           | 300.000         | 300.000           |
| - Giải khát              | 70 người        | 40.000          | 2.800.000         |
| - Văn phòng phẩm         | 70 người        | 20.000          | 1.400.000         |
| Tuyến huyện:             |                 |                 |                   |
| - Báo cáo viên           | 12 buổi         | 700.000         | 8.400.000         |
| - Hội trường             | 12 buổi         | 500.000         | 6.000.000         |
| - Tiêu đề                | 12 cái          | 300.000         | 3.600.000         |
| - Giải khát              | 288 người       | 40.000          | 5.760.000         |
| - Văn phòng phẩm         | 288 người       | 20.000          | 5.760.000         |
| Điều tra đối tượng:      |                 |                 |                   |
| - TP.Sa Đéc              | 18 ngày         | 140.000         | 2.520.000         |
| - TP. Cao Lãnh           | 30 ngày         | 140.000         | 4.200.000         |
| - Châu Thành             | 24 ngày         | 125.000         | 3.000.000         |
| - TX. Hồng Ngự           | 18 ngày         | 125.000         | 2.250.000         |
| - Hồng Ngự               | 28 ngày         | 125.000         | 3.500.000         |
| - H. Cao Lãnh            | 36 ngày         | 125.000         | 4.500.000         |
| - Tháp Mười              | 26 ngày         | 125.000         | 3.250.000         |
| - Thanh Bình             | 26 ngày         | 125.000         | 3.250.000         |
| - Tam Nông               | 24 ngày         | 125.000         | 3.000.000         |
| - Tân Hồng               | 24 ngày         | 125.000         | 3.000.000         |
| - Lập Vò                 | 26 ngày         | 125.000         | 3.250.000         |
| - Lai Vung               | 24 ngày         | 125.000         | 3.000.000         |
| Vận chuyển vắc xin:      |                 |                 |                   |
| - Tuyến huyện            | 1406 km         | 22.000 đồng/5km | 6.186.400         |
| - Tuyến xã               | 2984            | 2.000           | 5.968.000         |
| Giám sát                 |                 |                 |                   |
| Tuyến tỉnh:              |                 |                 |                   |
| - Công giám sát          | 60 lượt         | 40.000          | 2.400.000         |
| - Lưu trú                | 60 lượt         | 100.000         | 6.000.000         |
| - Xăng xe                | 2484 km         | 2.000           | 4.968.000         |
| Tuyến huyện:             |                 |                 |                   |
| - Công giám sát          | 288 lượt        | 40.000          | 11.520.000        |
| - Xăng xe                | 5.968 km        | 2.000           | 23.872.000        |
| Công thực hiện mũi tiêm: |                 |                 |                   |
| - Xã khó khăn            | 6.203           | 4.000           | 24.812.000        |
| - Xã khác                | 18.535          | 2.000           | 37.070.000        |
| Công khám sàng lọc:      |                 |                 |                   |
| - Xã khó khăn            | 3 ngày x 8 xã   | 125.000         | 3.000.000         |
| - Xã khác                | 3 ngày x 136 xã | 90.000          | 36.720.000        |
| In ấn biểu mẫu giấy tờ:  |                 |                 |                   |

|                              |           |       |                         |
|------------------------------|-----------|-------|-------------------------|
| - Phiếu ghi chép điều tra    | 1.300 tờ  | 500   | 650.000                 |
| - Thư mời                    | 31.500 tờ | 500   | 15.750.000              |
| - Bảng kiểm khám sàng lọc    | 31.190 tờ | 1000  | 31190000                |
| - Mọc xác nhận đã tiêm chủng | 111 cái   | 50000 | 5.550.000               |
| <b>Cộng</b>                  |           |       | <b>291.796.400 đồng</b> |

**- Tổng kinh phí đối ứng địa phương: 291.796.400 đồng**

- Số tiền bằng chữ: (Hai trăm chín mươi một triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng)

## V. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Trung tâm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố, Trung tâm Y tế huyện, Trạm Y tế xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thực hiện tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và báo cáo theo quy định.

## V. CẦN SỰ PHỐI HỢP CỦA CÁC ĐƠN VỊ.

- Các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tuyên truyền ý nghĩa, lợi ích của hoạt động tiêm bổ sung vắc xin Td cho đội ngũ cán bộ, giáo viên khối tiểu học cơ sở, vận động phụ huynh và học sinh tham gia tiêm vắc xin. Đồng thời hỗ trợ việc điều tra, lập danh sách đối tượng trên địa bàn tỉnh. Phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát triển khai tiêm bổ sung vắc xin Td, đặc biệt tại các trường học. Phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi triển khai. Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo có công văn chỉ đạo Phòng Giáo dục các quận/huyện, các trường về phối hợp với ngành y tế trong triển khai tiêm vắc xin.

- Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng đáp ứng hỗ trợ khi có những trường hợp phản ứng sau tiêm xảy ra. Nắm bắt thông tin, tiếp nhận và tận tình giải thích các thắc mắc có liên quan đến các vấn đề về tiêm chủng.

Trên đây là kế hoạch tiêm bổ sung vắc xin uống ván – bạch hầu (Td) năm 2020. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đề nghị các đơn vị nghiên cứu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tốt các hoạt động và báo cáo kết quả thực hiện đúng theo quy định./.

### Nơi nhận:

- Viện Pasteur TP.HCM (báo cáo);
- Sở Y tế (báo cáo);
- Sở Giáo dục (phối hợp);
- Các Phòng Y tế, Phòng Giáo dục;
- Các Trung tâm y tế (thực hiện);
- Lưu: VT, PCBTN.



**Phụ lục 1**

**BỘ Y TẾ**

**DỰ ÁN TCMR**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH TIÊM BỔ SUNG VẮC XIN Td NĂM 2019**

Khu vực:

Tỉnh/thành phố:

Huyện/Quận/Thị xã:

Phường/Xã:

| TT              | Địa phương | Vắc xin Td (Liều) |  | Kết quả tiêm vắc xin Td |     |              |     |      |                   | Số trường hợp phản ứng sau tiêm chủng |                               |                        |                      |                              |
|-----------------|------------|-------------------|--|-------------------------|-----|--------------|-----|------|-------------------|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------|----------------------|------------------------------|
|                 |            |                   |  | Số đối tượng            |     | Số tiêm được |     |      | Số chưa được tiêm | Phản ứng thông thường                 |                               |                        |                      | Tai biến nặng sau tiêm chủng |
|                 |            |                   |  | Trường học              | TYT | Trường học   | TYT | Khác |                   | Số trường hợp**                       | Sốt $\leq 39^{\circ}\text{C}$ | Sung, đau tại chỗ tiêm | Các triệu chứng khác |                              |
| 1               |            |                   |  |                         |     |              |     |      |                   |                                       |                               |                        |                      |                              |
| 2               |            |                   |  |                         |     |              |     |      |                   |                                       |                               |                        |                      |                              |
| 3               |            |                   |  |                         |     |              |     |      |                   |                                       |                               |                        |                      |                              |
| ...             |            |                   |  |                         |     |              |     |      |                   |                                       |                               |                        |                      |                              |
| <b>Cộng</b>     |            |                   |  |                         |     |              |     |      |                   |                                       |                               |                        |                      |                              |
| <b>Cộng dồn</b> |            |                   |  |                         |     |              |     |      |                   |                                       |                               |                        |                      |                              |

Lý do trẻ chưa được tiêm (nếu có): .....

(\*) Tính theo liều các lọ đã mở

(\*\*) Tổng hợp số trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm chủng (có trường hợp >1 triệu chứng)

**Người lập báo cáo**

(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm

**Thủ trưởng cơ quan**

(Ký tên, đóng dấu)